

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 128/2018/DS-PT

Ngày: 05-10-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng thuê nhà và
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng.

2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2018/TLPT-DS ngày 18/7/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Huyền N; cư trú tại: thành phố B, tỉnh Đắc Lắc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Công T, thuộc văn phòng luật sư Xuân T1 - Đoàn luật sư tỉnh Đắc Lắc; trú tại: Phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T2; trú tại: Xã Ea K, huyện Cư K2, tỉnh Đắc Lắc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Võ Thị Trợ; trú tại: Xã Ea T3, huyện Cư K2, tỉnh Đắc Lắc. vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Huyền N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Huyền N bày:**

Bà N và bà Trần Thị T2 trước đây là hàng xóm với nhau. Vì có nhu cầu kinh doanh hàng ăn uống nên bà đã thuê nhà là 01 ki-ốt ở chợ Trung H của bà Trần Thị T2 và được bà T2 đồng ý. Ngày 02/10/2016, bà N và bà T2 lập hợp đồng thuê nhà có thỏa thuận thời gian thuê từ ngày 02/10/2016 đến ngày 02/10/2017 (01 năm). Giá thuê nhà là 6.000.000 đồng/năm, hình thức trả tiền một lần. Bà N đã trả đủ cho bà T2 số tiền thuê nhà là 6.000.000 đồng và được ghi rõ trong hợp đồng thuê nhà. Hợp đồng thuê nhà do bà T2 tự lập nhưng không qua công chứng, chứng thực và hai bên cùng ký xác nhận bên dưới.

Bà N cho rằng khi thuê bà có trình bày với bà T2 mục đích thuê ki-ốt là để ở và buôn bán, bà T2 đồng ý cho bà N thuê với mục đích như trên. Hai bên chỉ trình bày miệng với nhau mà không ghi cụ thể trong hợp đồng thuê nhà. Sau khi ký hợp đồng, vì ki-ốt không sử dụng ở được nên bà N đã trình bày với ban quản lý chợ là ông Nguyễn Ngọc C để xin phép việc tu sửa lại phục vụ cho việc ở và kinh doanh. Bà N cũng đã nói cụ thể với bà T2 về việc sửa nhà và bà T2 cũng đồng ý cho bà N sửa. Thời gian sửa nhà hơn 01 tháng với chi phí sửa hết 18.000.000 đồng.

Vào tháng 11/2016, vì thiếu tiền công sửa nhà nên bà N có hỏi mượn bà T2 số tiền 6.000.000 đồng và không hẹn thời gian trả nợ, khi nào cần thì bà T2 sẽ lấy lại, việc vay mượn này chỉ nói miệng với nhau mà không lập giấy tờ gì. Bà T2 đã đưa cho bà N vay số tiền 6.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận lãi suất tương ứng là 600.000 đồng/tháng. Tính đến tháng 5/2017, bà N đã trả cho bà T2 được 06 tháng tiền lãi của khoản vay này.

Đầu tháng 5/2017, bà N bị côn đồ đến đánh, đập phá quán nên phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 07/5/2017 đến ngày 12/5/2017 xuất viện. Sau khi ra viện bà tiếp tục nằm điều trị tại nhà con trai ở thành phố B nhưng lại tiếp tục bị côn đồ chặn đánh khiến bà phải tiếp tục nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 26/6/2017 đến ngày 28/6/2017 thì ra viện. Sau khi ra viện bà quay về lại nhà con trai. Trong thời gian bà N nằm điều trị thương tích do con trai bà là Phùng Bảo H1 phải lo giấy tờ, viện phí cho bà nên không có thời gian để tiếp tục kinh doanh và phải đóng cửa ki-ốt nhưng các con bà vẫn đi về để lấy đồ dùng sinh hoạt. Vì thời gian thuê nhà vẫn còn nên khi đóng cửa ki-ốt bà không thông báo gì với bà T2 vì bà nghĩ bà T2 có biết bà nằm viện điều trị thương tích. Tuy nhiên, khi chưa hết hạn hợp đồng thuê nhưng bà T2 đã ngang nhiên lấy lại ki-ốt vào ngày 07/6/2017. Đồng thời bà T2 tự ý phá khóa cửa đưa toàn bộ đồ dùng của bà N để trong ki-ốt ra để ở cửa đường luồng bên cạnh ki-ốt bà N thuê của bà Trần Thị K3 mà không báo cho bà N biết, sau này qua kiểm tra bà N

thấy đồ đạc bị mất mát (là những đồ đạc mà bà đã liệt kê cụ thể trong đơn khởi kiện với tổng giá trị là 36.840.000 đồng), sau đó bà T2 tự khóa lại cho đến nay.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà Trần Thị T2 phải trả lại cho bà tiền thuê nhà 03 tháng 25 ngày với số tiền là 2.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường: Bà N yêu cầu bà T2 bồi thường tổng số tiền là: 72.840.000 đồng như đơn khởi kiện bà đã liệt kê, trong đó bồi thường thiệt hại về mất thu nhập là 36.000.000 đồng; bồi thường đồ đạc bị mất mát, hư hỏng là 36.840.000 đồng. Bà N yêu cầu bồi thường bổ sung thêm số tiền là 37.160.000 đồng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng bà nợ của bà T2, bà sẽ trả lại cho bà T2 khi nào bà có điều kiện kinh doanh lại.

*** Bị đơn bà Trần Thị T2, quá trình tham gia tố tụng trình bày:**

Bà với bà N có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 02/10/2016, bà N đến nhà bà T2 để thuê ki-ốt với mục đích để ở chứ không buôn bán gì như bà N trình bày. Hai bên đã lập hợp đồng thuê nhà với thời gian thuê là 01 năm kể từ ngày 02/10/2016 đến 02/10/2017 với giá thuê là 6.000.000 đồng/năm. Bà N đã trả đủ cho bà T2 số tiền thuê này. Bà T2 là người lập hợp đồng và cùng bà N ký xác nhận bên dưới. Trong hợp đồng thuê nhà hai bên đã thỏa thuận bà N phải có trách nhiệm bảo quản nhà cửa, không được làm hư hỏng chứ không thỏa thuận gì về việc sau khi thuê bà N phải sửa nhà. Bà N cũng không sửa nhà như bà N trình bày mà chỉ láng thêm mấy mét sân phía trước ki-ốt là lối đi chung của khu vực chợ Trung H. Bà T2 xác định bà N không buôn bán gì trong ki-ốt thuê của bà mà chỉ để ở. Bà N chỉ bán cháo đêm ngoài đường quốc lộ 27 cách ki-ốt thuê khoảng 50m.

Trong thời gian từ ngày 04/5/2017 đến ngày 22/6/2017 bà không thấy bà N ở trong ki-ốt đã thuê mà bà lại thấy các chủ nợ của bà N đến đòi nợ và phá ki-ốt của bà nên bà có gọi điện hỏi bà N có tiếp tục thuê nhà nữa không. Bà có nói với bà N nếu không thuê nhà nữa thì bà sẽ trả tiền những tháng còn lại không thuê với điều kiện bà N phải trả lại cho bà số tiền 6.000.000 đồng đã mượn. Bà N có hẹn bà T2 03 ngày sau sẽ về gặp để bàn bạc nhưng đến ngày hẹn thì bà N không có mặt. Sau đó, bà T2 gọi điện nhắn tin cho bà N nhiều lần nhưng bà N vẫn không về. Ngày 22/6/2017, vì bà N tiếp tục trễ hẹn nên bà T2 đã dọn đồ đạc của bà N chuyển sang nhà bà N thuê của bà Trần Thị K3. Bà xác định bà không phá khóa cửa ki-ốt như bà N trình bày mà bà có khóa để mở vì khi giao nhà bà có lấy lại một chìa khóa. Đồ đạc của bà N để trong nhà thuê gồm 01 giường sắt, 01 tủ đông bị hư, 01 tivi đời cũ, 01 tủ quần áo bằng nhôm có khóa, ngoài ra còn một số đồ dùng như ghế nhựa

cũ, bàn, chén, bát, xoong, nồi mà bà không xác định được số lượng bao nhiêu. Toàn bộ số đồ dùng này bà T2 đưa sang nhà bà N thuê của bà Khương để cất giữ.

Nay nguyên đơn khởi kiện buộc bà phải trả các khoản tiền mà nguyên đơn trình bày, bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền thuê nhà kể từ ngày bà phá vỡ hợp đồng là ngày 22/6/2017 đến ngày 02/10/2017 là 03 tháng 10 ngày với tổng số tiền là 1.667.000 đồng. Còn các khoản còn lại mà bà N yêu cầu, bà không đồng ý. Đối với số tiền 6.000.000 đồng bà N nợ bà không yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

*** Người làm chứng bà Võ Thị T4, quá trình tham gia tố tụng trình bày:**

Bà là hàng xóm ở gần nhà bà Trần Huyền N, địa chỉ xã Ea T3, huyện Cư K2, tỉnh Đắk Lắk. Bà N thuê nhà (ki-ốt) của bà Trần Thị T2. Ngày 22/6/2017 bà T2 có nhờ bà T4 chuyển các vật dụng của bà N để trong nhà thuê của bà T2 sang cạnh nhà bà Minh K3 (cũng là nhà bà N thuê). Các đồ dùng mà bà T2 nhờ bà T4 chuyển gồm: 01 cái giường sắt; 01 tủ đông đã bị hỏng; 01 tivi 14 in đã cũ; 01 tủ nhôm đựng quần áo có khóa; một số tô, chén và đĩa. Bà T4 đã chuyển toàn bộ số đồ dùng này vào nhà của bà N thuê của bà Minh K3 bên cạnh. Trong quá trình bà T4 giúp bà T2 chuyển các tài sản trên của bà N thì bà không làm mất mát, hư hỏng bất cứ tài sản gì khác của bà N.

Tại bản án dân sự số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 93; 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 122; 127; 134; 137; 410; 491, 492, 498, 499 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 131; 132 Luật nhà ở có hiệu lực năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí của tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố hợp đồng thuê nhà ngày 02 tháng 10 năm 2016 được ký kết bởi bà Trần Huyền N và bà Trần Thị T2 vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị T2 phải trả lại cho bà Trần Huyền N số tiền thuê nhà là 1.667.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Huyền N về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T2 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với số tiền tổng cộng 72.840.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2018, nguyên đơn bà Trần Huyền N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cư K2, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là bà Trần Huyền N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Huyền N, ông Lê Công T trình bày:

Ngày 02/10/2016 giữa bà Trần Huyền N và bà Trần Thị T2 có ký hợp đồng thuê nhà với thời hạn một năm nhưng chưa đến hạn mà ngày 07/6/2017 bà T2 đã vi phạm hợp đồng. Do đó, buộc bà T2 phải trả lại cho bà N số tiền thuê nhà là 2.500.000đồng. Mặt khác việc bà T2 đã tự ý đưa toàn bộ tài sản trong nhà của bà N thuê của bà T2 để ngoài đường luồng bên cạnh làm mất mát, thất thoát và hư hỏng như trong đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 mà bà N đã liệt kê là có căn cứ. Cụ thể các khoản: Mua sắm đồ để buôn bán là 36.840.000 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian không buôn bán được là 45.000.000 đồng; sửa chữa lại nhà là 18.000.000 đồng; tổn thất tinh thần là 6.950.000 đồng, số tiền mà thời gian còn lại chưa hết hợp đồng là 2.415.000 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị T2 phải bồi thường cho bà Trần Huyền N, tổng số tiền là 109.205.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, phát biểu về quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bà N yêu cầu bà T2 phải thanh toán cho bà N các khoản như: Mua sắm đồ để buôn bán là 36.840.000 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian không buôn bán được là 45.000.000 đồng; sửa chữa lại nhà là 18.000.000 đồng; tổn thất tinh thần là 6.950.000 đồng, số tiền mà thời gian còn lại chưa hết hợp đồng là 2.415.000 đồng tổng số tiền là 109.205.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc bà T2 phải thanh toán cho bà N số tiền 1.667.000 đồng và

bác một phần đơn khởi kiện của bà N là có căn cứ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Huyền N. Giữ bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng, bà T2 tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bị đơn bà Trần Thị T2 phải bồi thường cho bà những khoản sau: Bồi thường về mất thu nhập 05 tháng là 45.000.000đ; thiệt hại về tài sản 36.840.000đ; chi phí sửa chữa nhà 18.000.000đ; thiệt hại về tinh thần 6.950.000đ. Theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật dân sự: người nào có hành vi xâm phạm tài sản mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 02 tháng 10 năm 2016 bà Trần Huyền N và bà Trần Thị T2 có ký kết hợp đồng thuê nhà có thời hạn trên 06 tháng nhưng các bên không tuân thủ về hình thức của hợp đồng. Không công chứng hay chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và cũng không đăng ký theo quy định là vi phạm Điều 492 Bộ luật dân sự 2005 nên hợp đồng này vô hiệu ngay từ thời điểm giao kết. Hai bên đã không còn thực hiện hợp đồng, nguyên đơn không còn ở nhà đã thuê và bị đơn đã lấy lại nhà cho thuê nên việc khắc phục hình thức của hợp đồng không thực hiện được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị T2 phải trả lại cho bà Trần Huyền N số tiền thuê nhà (03 tháng 10 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng) là 1.667.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường thì bà N phải cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã có thiệt hại xảy ra và lỗi thuộc về bà T2. Tuy nhiên, bà N đã nộp các tài liệu, chứng từ, hóa đơn để chứng minh cho yêu cầu của mình, nhưng không hợp lệ, không thể hiện rõ các tài sản này là của nguyên đơn sử dụng để trong nhà thuê của bị đơn, cũng như việc không chứng minh được sự mất mát, hư hỏng tài sản là do bị đơn gây ra nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn bồi thường số tiền sửa chữa nhà 18.000.000đồng, nhưng hợp đồng không ghi nội dung sửa nhà và trên thực tế nguyên đơn thừa nhận sửa nhà là làm lại phần sân trước nhà bằng cách láng xi măng. Phía bị đơn và đại diện ban quản lý chợ xác định việc bà N sửa lại nhà thuê

của bà T2 là phần đường lối đi chung của khu vực chợ chứ không phải trước sân ki-ốt của bà T2 nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Việc bà N đưa ra yêu cầu bà T2 phải bồi thường ngoài hợp đồng cho bà N số tiền 109.205.000 đồng, nhưng bà N chỉ nộp tạm ứng tương ứng với số tiền 72.840.000 đồng. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền này là có căn cứ.

Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Huyền N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Huyền N phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Huyền N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[2]

Áp dụng Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 122; 127; 134; 137; 410; 491, 492, 498, 499 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 131; 132 Luật nhà ở có hiệu lực năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố hợp đồng thuê nhà ngày 02 tháng 10 năm 2016 được ký kết giữa bà Trần Huyền N và bà Trần Thị T2 vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Huyền N.

Buộc bà Trần Thị T2 phải trả lại cho bà Trần Huyền N số tiền thuê nhà là 1.667.000 đồng (từ ngày 22/6/2017 đến ngày 02/10/2017 là 03 tháng 10 ngày).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Huyền N về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T2 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với số tiền tổng cộng 72.840.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Huyền N phải chịu 3.642.000 đồng được khấu trừ số tiền 1.821.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai số: AA/2017/0001244 ngày 01/11/2017 và 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0001245 ngày 01/11/2017. Bà Trần Huyền N còn phải nộp tiếp 1.521.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Huyền N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001425 ngày 29/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư K2;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Tùng